

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 5 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Phong;
2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị M, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa T, xã Tân H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Hồ Ngọc Q, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa T, xã Tân H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1999, được sự thống nhất của cha mẹ hai bên, bà Trần Thị M và ông Hồ Ngọc Q tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 8 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, thị xã H. Sau khi kết hôn, bà M và ông Q chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong cuộc sống, ông Q thường xuyên ăn chơi, đánh bài nhưng bà vẫn hàn gắn chung sống. Đến năm 2013, bên cạnh việc chơi bời ngày càng nhiều thì ông Q bắt đầu sử dụng ma túy, bà M bắt

gặp, khuyên can nhưng không được. Ông Q đã đi cai nghiện thành công, nhưng khi về lại tiếp tục sử dụng ma túy, mặc cho lời khuyên can của bà M. Thời gian gần đây, khi bà M khuyên nhủ thì ông Q còn cầm dao đe dọa, chửi bới bà và các con, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc như mong muốn mà bà luôn phải lo sợ, đau khổ. Bà nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Nay, bà Trần Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị M yêu cầu ly hôn với ông Hồ Ngọc Q;

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Hồ Kháng T, sinh ngày 27/11/2000, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và Hồ Ngọc Vy A, sinh ngày 02/01/2013, bà M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Anh, không yêu cầu ông Hồ Ngọc Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con;

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp đã triệu tập và tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Hồ Ngọc Q đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng ông Hồ Ngọc Q không ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và không đến Tòa án nhân dân thị xã H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Hồ Ngọc Q được ly hôn; về con chung: Bà Trần Thị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Hồ Ngọc Vy A, sinh ngày 02/01/2013 và không yêu cầu cấp dưỡng, nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Bà Trần Thị M và ông Hồ Ngọc Q đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Hồ Ngọc Q được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Trần Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông Hồ Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ngày 02 tháng 8 năm 1999, bà Trần Thị M và ông Hồ Ngọc Q đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, thị xã H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà và ông Q chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng, ông Q không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha là do ông thường xuyên ăn chơi, đánh bài, không chăm lo gia đình nhưng bà vẫn tha thứ. Năm 2013, ông Q không sửa chữa mà còn tiếp tục có hành vi ăn chơi, đánh bài và sử dụng ma túy do bà bắt gặp, khuyên can nhưng không được.

[4] Ngày 24 tháng 9 năm 2013, Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số: 56/QĐ-XLHC-CSCB, về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với ông Hồ Ngọc Q có hành vi vi phạm: Sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần và là đối tượng nghiện nặng với thời gian là 24 (hai mươi bốn) tháng và ông Q đã chấp hành xong, nhưng khi về gia đình thì ông Q lại tiếp tục sử dụng ma túy, mặc dù bà M đã khuyên can rất nhiều lần; thời gian gần đây, bà khuyên can ông Q từ bỏ các tệ nạn xã hội nhưng ông Q không nghe mà còn có hành vi dùng dao đe dọa, chửi bới bà và các con, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc như mong muốn và bà luôn phải lo sợ, đau khổ.

[5] Bà nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được; đồng thời, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo thụ lý vụ án,... nhưng ông Hồ Ngọc Q cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[6] Về con chung: Bà Trần Thị M xin nuôi dưỡng 01 con chung tên Hồ Ngọc Vy A, còn ông Q cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin nuôi con của bà M, Hội đồng xét xử xét thấy bà M đang nuôi dưỡng 01 người con chung tên Hồ Ngọc Vy A đều phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác và cháu Hồ Ngọc Vy A có nguyện vọng và đang sống chung với bà M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung tên Hồ Ngọc Vy A, nhưng bà không yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên không xem xét, giải quyết. Bà Trần Thị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Hồ Ngọc Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[8] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H: Về hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Hồ Ngọc Q được ly hôn; về con chung: Bà Trần Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hồ Ngọc Vy A; về cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết; về tài sản và nợ chung: Không xem xét, giải quyết là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, bà Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; ông Hồ Ngọc Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Hồ Ngọc Q được ly hôn.

Về con chung: Bà Trần Thị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hồ Ngọc Vy A, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2013 (Hiện cháu Hồ Ngọc Vy A có nguyện vọng và đang sống chung với bà Trần Thị M);

Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị M không yêu cầu ông Hồ Ngọc Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà Trần Thị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Hồ Ngọc Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0004552 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; bà Trần Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Ông Hồ Ngọc Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Trần Thị M và ông Hồ Ngọc Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung